

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2022

Số: 08/BC-ĐBCL

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN SINH VIÊN  
VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN  
Học kỳ I/2022 - 2023**

*Kính gửi:* - Ban Giám hiệu;  
- Các đơn vị.

**I. Mục đích**

- Tiếp thu ý kiến, góp ý của sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong hoạt động giảng dạy.
- Tạo kênh thông tin giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy.
- Giúp cán bộ quản lý có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá giảng viên.

**II. Quá trình thực hiện**

**1. Đối tượng và phạm vi đánh giá**

- Đối tượng: Giảng viên (GV) cơ hữu, GV thỉnh giảng, CBQL có tham gia giảng dạy.
- Phạm vi lấy ý kiến: Tất cả sinh viên các lớp thuộc trình độ đại học, hệ chính quy.

**2. Phương pháp:** Khảo sát online tại trang: <http://online.hcmute.edu.vn>

**3. Thời gian:** HKI năm học 2022-2022 từ ngày 12/10/2022 đến ngày 12/12/2022.

**4. Nội dung khảo sát:** Phiếu khảo sát gồm 12 câu hỏi đóng thuộc 3 tiêu chí:

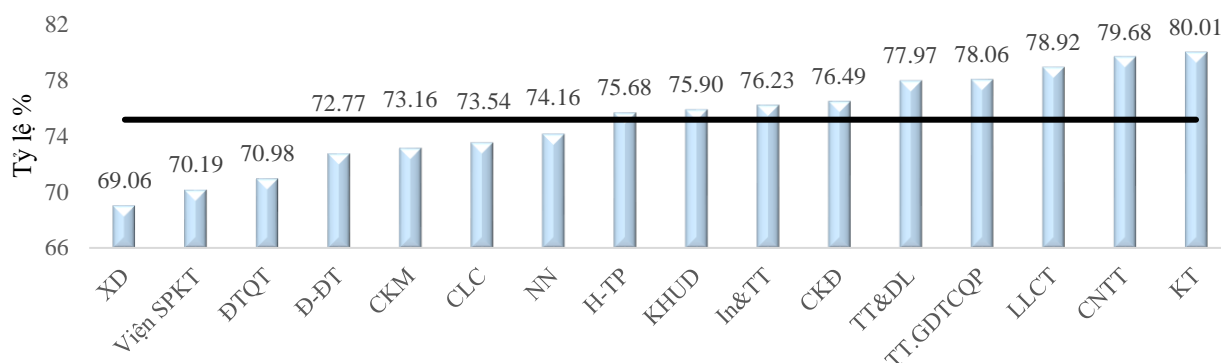
- (1) Phương pháp GD
- (2) Nội dung GD, kiểm tra, đánh giá
- (3) Tác phong sư phạm
- (4) Ngoài ra còn có 3 câu hỏi mở và 1 câu hỏi lựa chọn theo phương án có sẵn.

**5. Xếp loại**

Mức điểm	90÷100	80÷89	70÷79	50÷69	<49
Xếp loại	Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Cần cải tiến	Yếu
Quy định màu sắc	Xanh dương	Xanh lá	Vàng	Hồng	Đỏ

### III. Kết quả thống kê

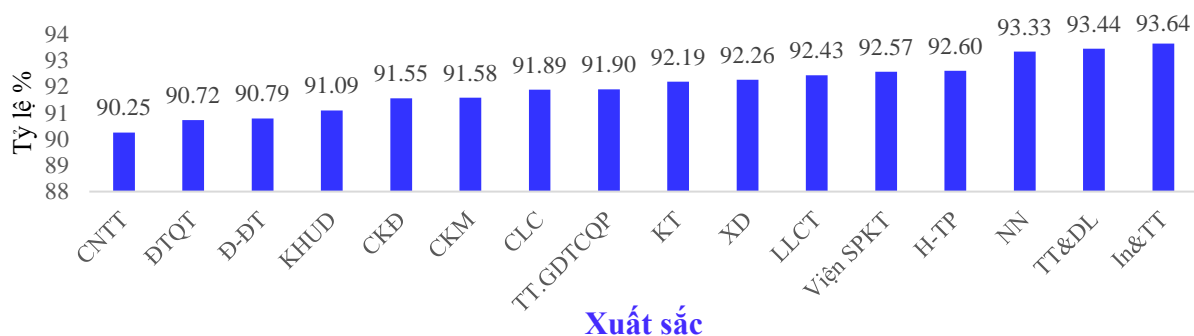
#### 1. Tỷ lệ SV tham gia khảo sát theo Khoa/đơn vị đào tạo có học phần giảng dạy trong học kỳ I năm học 2021-2022.



**Hình 1. Tỷ lệ (%) sinh viên tham gia khảo sát theo Khoa/Đơn vị đào tạo**

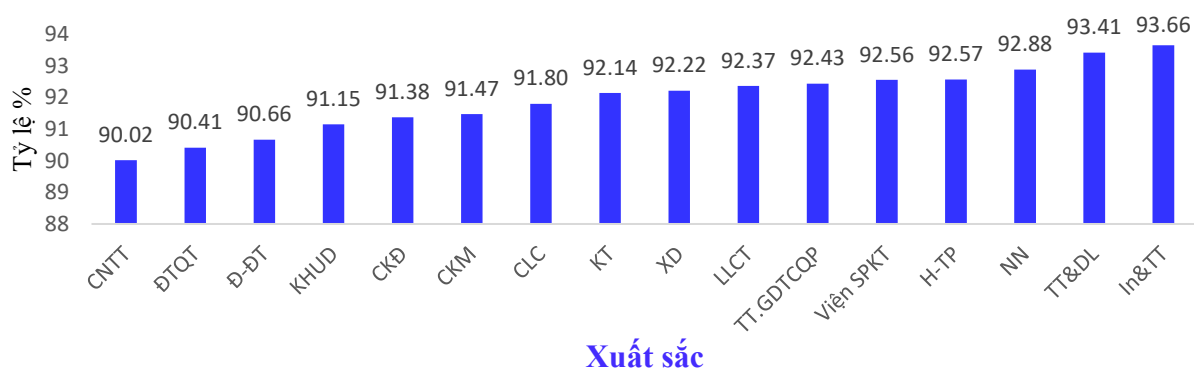
Theo biểu đồ thống kê ở **Hình 1** cho thấy tỷ lệ trung bình tham gia khảo sát tiếp tục tăng và cụ thể là tăng 3.74% so với HKII năm học 2021-2022 (*Trung bình toàn trường HKI năm học 2022-2023 đạt 75.17%*), tỷ lệ khảo sát gia tăng cho thấy sinh viên đã quan tâm hơn đến hoạt động khảo sát và xem đây là một kênh chính thống để các bạn bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trong thời gian học tập tại Trường.

#### 2. Kết quả chỉ số giảng dạy theo đơn vị



Xuất sắc

**Hình 2. Chỉ số về phương pháp giảng dạy theo Khoa/Đơn vị đào tạo**



Xuất sắc

**Hình 3. Chỉ số về nội dung giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo Khoa/Đơn vị đào tạo**

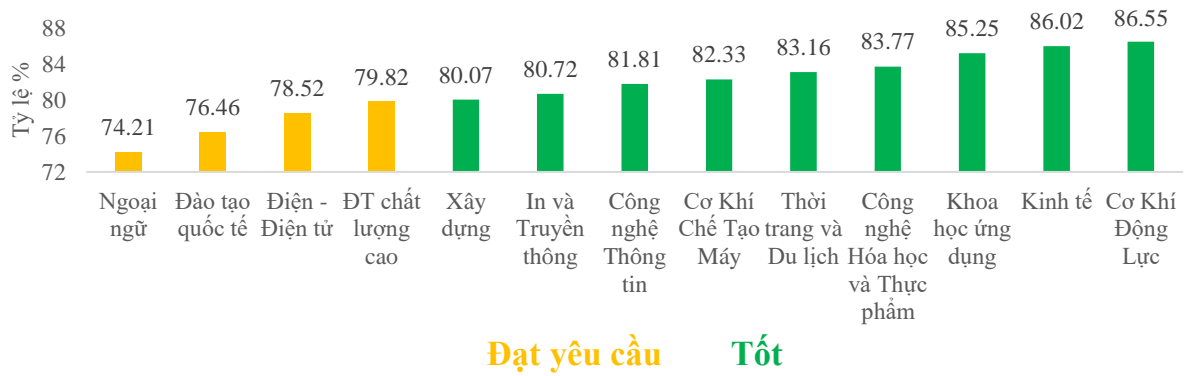
Từ biểu đồ **Hình 2** và **Hình 3** chỉ số CLGD trung bình các tiêu chí của các đơn vị đều đạt trên 90%, thống kê trung bình chỉ số giảng dạy toàn trường qua 2 năm học

cho thấy CLGD của GV đang ở mức rất cao đây là một tín hiệu tốt cho Nhà trường. Trong HKI năm học 2022-2023 P.ĐBCL cũng đã thống kê kết quả các GV cần cải tiến của các đơn vị và trình bày ở **Bảng 1** bên dưới.

**Bảng 1. Thống kê số lượng GV về CLGD theo đơn vị**

TT	Đơn vị	Tổng số GV	Tổng số GV thỉnh giảng	Số GV xếp loại cần cải tiến		Số GV xếp loại Yếu		Số GV xếp loại CLGD từ khá trở lên nhưng vẫn có tiêu chí, môn học < 69	
				SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1.	K.ĐTQT	144	23	-	-	-	-	-	-
2.	K.ĐTCLC	525	156	-	-	-	-	-	-
3.	K.TT-DL	29	10	-	-	-	-	-	-
4.	K.CKĐ	25	12	-	-	-	-	-	-
5.	K.KT	65	23	-	-	-	-	-	-
6.	K.XD	53	15	-	-	-	-	-	-
7.	K.KHUD	62	33	-	-	-	-	-	-
8.	K.Đ-ĐT	79	24	-	-	-	-	-	-
9.	K.CKM	74	19	-	-	-	-	-	-
10.	K.In&TT	18	9	-	-	-	-	-	-
11.	K.Chính trị&Luật	38	20	-	-	-	-	-	-
12.	K.CNH&TP	46	24	-	-	-	-	-	-
13.	K.NN	45	5	-	-	-	-	-	-
14.	K.CNTT	32	9	-	-	-	-	-	-
15.	V.SPKT	13	0	-	-	-	-	-	-
16.	TT.GDTC&QP	2	36	-	-	-	-	-	-
<b>Toàn trường</b>		<b>1.250</b>	<b>418</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	-	-	-	-

Số liệu ở **Bảng 1** cho thấy toàn trường không có giảng viên bị xếp ở mức “Cần cải tiến”, Đây là một thành tích tốt của toàn thể các đơn vị vì vậy cần tiếp tục giữ vững thành tích này cho các năm học kế tiếp.

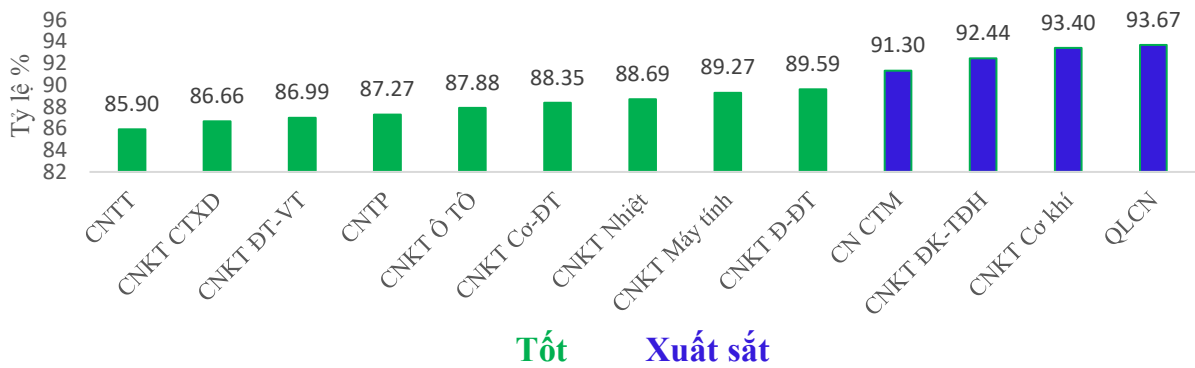


**Hình 4. Thống kê sự hài lòng của SV về trang thiết bị xưởng thực hành/phòng thí nghiệm/thực tập**

Trong phiếu khảo sát gửi đến SV còn có một câu hỏi liên quan đến sự hài lòng khi được học tập trong các xưởng thực hành/phòng thí nghiệm/thực tập, với mong muốn được tìm hiểu về mức độ đáp ứng của trang thiết bị cho các phòng học này. P.ĐBCL đã tiến hành thống kê và **Hình 4** cho thấy hầu hết các xưởng thực hành/phòng thí nghiệm/thực tập đáp ứng ở mức tốt. Tuy nhiên cũng là các PTN, xưởng thực tập này dùng cho giảng dạy thì nhóm SV khoa CLC và khoa ĐTQT lại chỉ đánh giá ở mức “Đạt yêu cầu” do họ có mức kỳ vọng cao hơn về điều kiện CSVC. Nhà trường và các Khoa chuyên ngành cần quan tâm sâu sát hơn về nhu cầu của nhóm SV các CTĐT hệ CLC tiếng Việt và tiếng Anh.

### 3. Khảo sát ý kiến SV về hiệu quả truyền đạt kiến thức môn học bằng tiếng Anh

Trong HKI năm học 2022-2023 P.ĐBCL tiếp tục hiện khảo sát bằng phiếu tiếng Anh cho các môn học sử dụng tiếng Anh để giảng dạy trong đó việc thống kê kết quả cho câu hỏi “**14. Lecturer uses English effectively to convey knowledge of the subject to students**” nhằm đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi truyền đạt kiến thức cho SV để đảm bảo chất lượng cho các ngành học quốc tế.



(a)



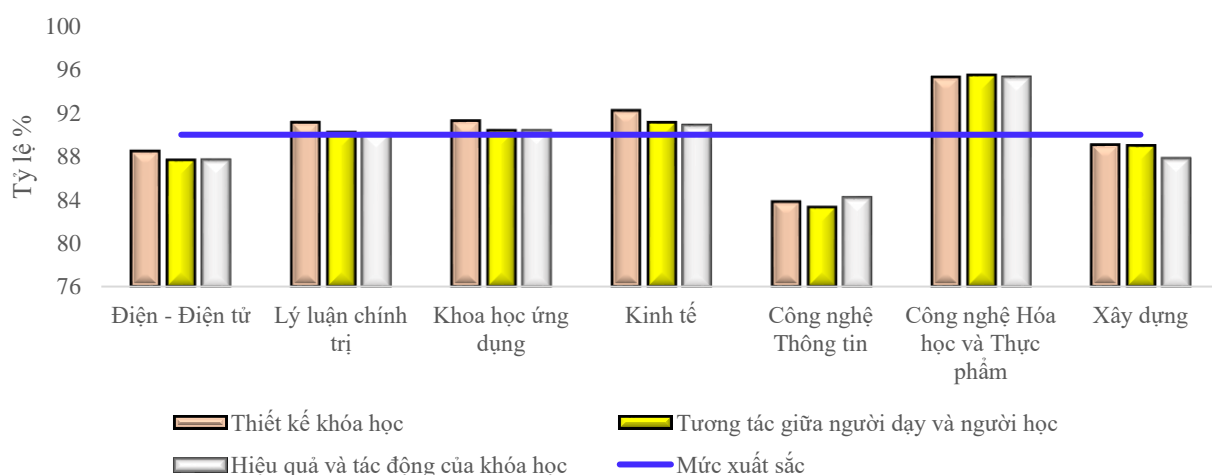
(b)

**Hình 5. Thống kê ý kiến sinh viên về hiệu quả truyền đạt kiến thức môn học bằng tiếng Anh của các ngành thuộc K.CLC (a) và K.ĐTQT (b)**

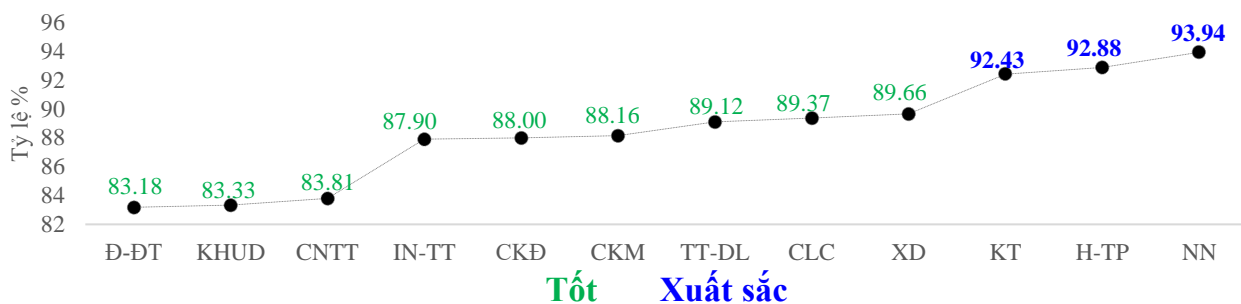
Theo **Hình 5** cho thấy SV rất hài lòng về hiệu quả truyền đạt kiến thức bằng tiếng Anh của GV giảng dạy các môn học điều này cũng cho thấy trình độ giảng dạy tiếng Anh của GV đáp ứng được yêu cầu giảng dạy của Sinh viên. Hiện Khoa ĐTQT đang quản lý các khóa tuyển sinh từ năm 2021 và khoa CLC tiếp tục quản lý các khóa tuyển sinh trước đó. Kết quả phản hồi của SV về hiệu quả sử dụng tiếng Anh để truyền đạt kiến thức chuyên ngành giữa 2 khoa này không thống nhất chứng tỏ mức độ sử dụng tiếng Anh của các CTĐT CLC tiếng Anh giữa 2 năm đầu và 2 năm sau chưa đồng nhất.

#### 4. Kết quả khảo sát về khóa học MOOCs

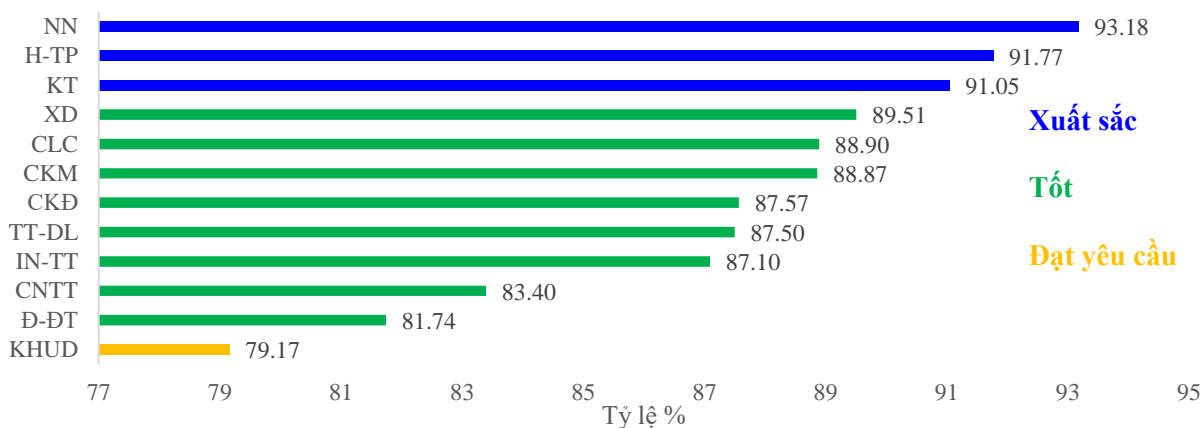
Khảo sát về khóa học MOOCs tiếp tục được thực hiện và kết quả khảo sát trong HKI 2022 – 2023 như sau:



**Hình 6. Thống kê ý kiến SV về các tiêu chí liên quan đến chất lượng khóa học của các đơn vị đã có khóa MOOCs được giảng dạy.**



**Hình 7. Thống kê tỷ lệ SV các Khoa hài lòng về GV giảng dạy khóa MOOCs**



**Hình 8. Thống kê tỷ lệ SV các Khoa hài lòng về khóa MOOCs**

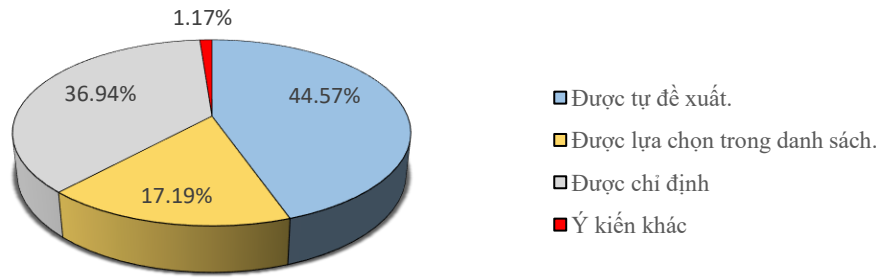
Theo biểu đồ **Hình 6, 7, 8** cho thấy hiện tại tỷ lệ SV hài lòng về nội dung, GV giảng dạy khóa MOOCs đang ở mức cao, các đơn vị cần đẩy mạnh hơn nữa cho hoạt động này để tiếp tục nâng cao về số lượng và chất lượng cho các khóa học. Thống kê ở **Bảng 2** cho thấy hiện tại số lượng GV và khóa học có chiều hướng gia tăng tuy nhiên một số Khoa chưa có khóa học MOOCs nào được chính thức giảng dạy cần quan tâm, khuyến khích, hỗ trợ thêm để đẩy mạnh cho hoạt động này phát triển rộng rãi trong toàn trường.

**Bảng 2. Thống kê số lượng GV và khóa học MOOCs đã được triển khai cho SV tham gia học tập tại trường**

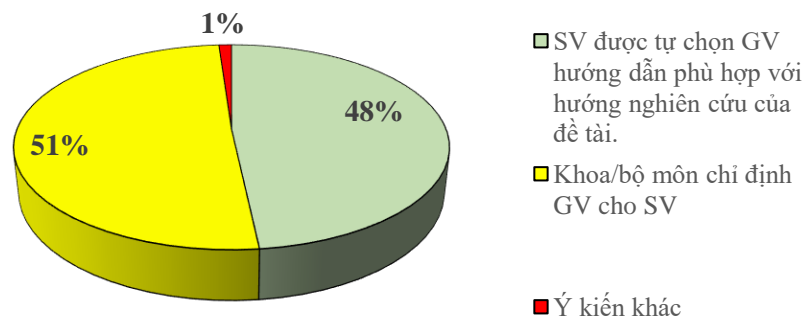
STT	ĐƠN VỊ	HKII 2021-2022		HKI 2022-2023	
		GIẢNG VIÊN	KHÓA HỌC	GIẢNG VIÊN	KHÓA HỌC
1	CNTT	1	1	4	5
2	XD	1	1	1	2
3	KT	2	2	4	4
4	LLCT	4	4	8	10
5	KHUD	6	7	6	7
6	Đ-ĐT	6	8	10	12
7	CNH-TP	0	0	1	1
<b>TỔNG</b>	<b>6</b>	<b>20</b>	<b>23</b>	<b>34</b>	<b>41</b>

## 5. Kết quả khảo sát đề án/khóa luận tốt nghiệp

Phòng ĐBCL thực hiện khảo sát môn đề án/khóa luận, kết quả khảo sát như sau:

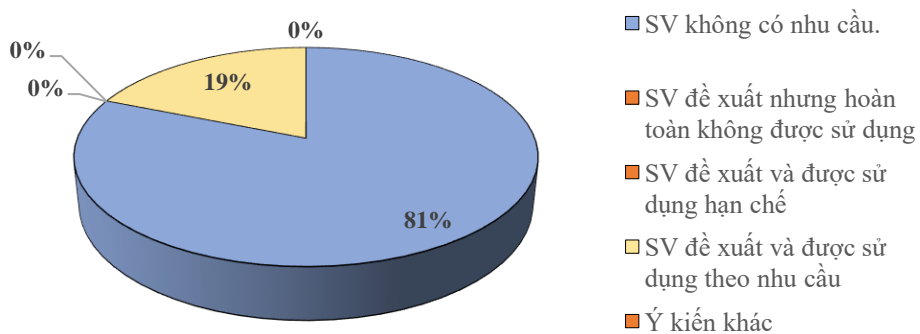


**Hình 9. Thống kê hình thức giao đề án/khóa luận tốt nghiệp cho SV**

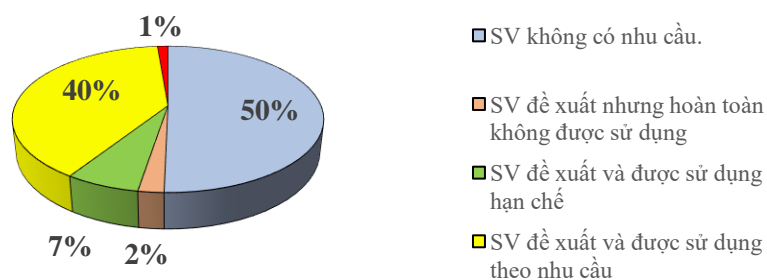


**Hình 10. Thống kê hình thức lựa chọn GVHD đề án/khóa luận tốt nghiệp**

Hình 9, 10 cho thấy các đơn vị đều đưa ra nhiều hình thức lựa chọn cách giao đề tài và GVHD trong đó hình thức tự đề xuất đề tài tốt nghiệp và tự liên hệ GV hoặc Khoa lập danh sách các đề tài do GV tự đề xuất được áp dụng nhiều nhất vì có tính chủ động cao, nhiều thuận lợi cho cả GV và SV.



(a)

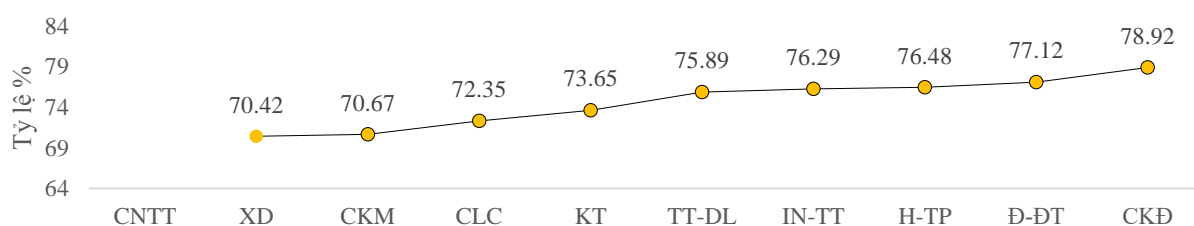


(b)

**Hình 11. Thống kê tỷ lệ các Khoa/bộ môn tạo điều kiện sử dụng trang thiết bị hỗ trợ làm đồ án/khóa luận tốt nghiệp 2 nhóm ngành Xã hội nhân văn (a) và Kỹ thuật (b)**

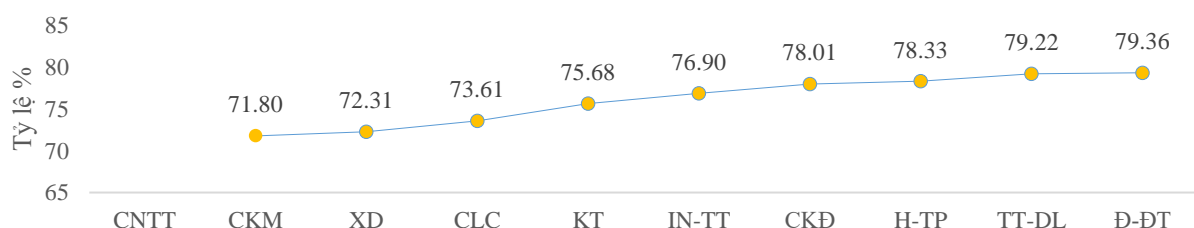
*Ghi chú: Ngành Xã hội nhân văn: Khoa KT (K.NN không có sinh viên thực hiện khảo sát cho nội dung này)*

Biểu đồ thống kê cho thấy SV các nhóm ngành xã hội nhân văn không có nhu cầu sử dụng các trang thiết bị của Nhà trường (chiếm 81%), ở nhóm ngành kỹ thuật tỷ lệ này là 50%, SV lựa chọn phương án đề xuất và được sử dụng theo nhu cầu được Lãnh đạo các Khoa/bộ môn tạo điều kiện để SV hoàn thành tốt nhất đồ án/khóa luận tốt nghiệp.



### Đạt yêu cầu

**Hình 12. Thống kê tỷ lệ hài lòng của SV về việc Khoa/bộ môn công bố mẫu báo cáo đồ án/khóa luận tốt nghiệp rộng rãi đến toàn bộ sinh viên**



### Đạt yêu cầu

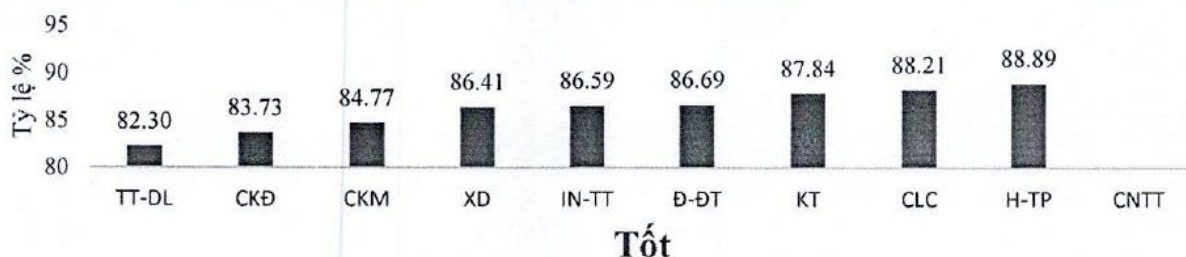
**Hình 13. Thống kê tỷ lệ hài lòng của SV về việc Khoa/bộ môn có quy định rõ ràng khi hướng dẫn đồ án/khóa luận tốt nghiệp**

*Ghi chú: K.CNTT chỉ có 8 SV làm ĐATN phản hồi phiếu khảo sát nên không tổng hợp kết quả. BCN Khoa có thể tự xem trong dữ liệu gốc P.ĐBCL đã gửi về cho từng Khoa.*

Biểu đồ cho thấy các Khoa còn hạn chế khi hỗ trợ cho sinh viên về việc công bố các loại biểu mẫu, đưa ra các chính sách/quy định có liên quan đến hoạt động hướng dẫn đồ án/khóa luận tốt nghiệp - phần lớn chỉ được đánh giá ở mức đạt yêu cầu, đề nghị các đơn vị cần quan tâm hơn nữa đến vấn đề này và cần có thêm nhiều hình thức khác nữa khi truyền đạt thông tin đến sinh viên để nâng cao mức đánh giá cho các học kỳ kế tiếp.



đồ án/khóa luận tốt nghiệp - phần lớn chỉ được đánh giá ở mức đạt yêu cầu, đề nghị các đơn vị cần quan tâm hơn nữa đến vấn đề này và cần có thêm nhiều hình thức khác nữa khi truyền đạt thông tin đến sinh viên để nâng cao mức đánh giá cho các học kỳ kế tiếp.



**Hình 14. Thống kê sự hài lòng của SV về GVHD đồ án/khóa luận tốt nghiệp**

*Ghi chú: K.CNTT chỉ có 8 SV làm ĐATN phản hồi phiếu khảo sát nên không tổng hợp kết quả. BCN Khoa có thể tự xem trong dữ liệu gốc P.ĐBCL đã gửi về cho từng Khoa.*

Mức độ hài lòng của SV về công tác tổ chức và sự hỗ trợ của Khoa/Bộ môn trong quá trình hướng dẫn đồ án/khóa luận tốt nghiệp của các đơn vị trong toàn trường đang ở mức khá cao. **Hình 14** cho thấy sự hài lòng về GVHD của các Khoa đều ở mức tốt.

#### IV. Kết luận, kiến nghị

Thông qua kết quả khảo sát này cho thấy chất lượng giảng dạy của GV Nhà trường về môn học lý thuyết, thực hành, khóa MOOCs, đồ án môn học/khóa luận tốt nghiệp đều được SV đánh giá cao. Nhà trường sẽ tiếp tục nâng cao, cải tiến chất lượng giảng dạy để mang lại một môi trường dạy và học tốt nhất cho GV và SV.

Tỷ lệ SV tham gia hoạt động khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV trong học kỳ HKII/2021-2022 có xu hướng gia tăng so với HKI cụ thể là **tỷ lệ trung bình toàn trường đạt 75.17%** (tỷ lệ trung bình toàn trường HKII/2021-2022 là 71.43%).

Báo cáo kết quả khảo sát của các đơn vị gửi về cho P.ĐBCL tổng hợp tính đến 16h30 ngày 02/1/2023 là 07/16 đơn vị. Theo email P.ĐBCL đã gửi đến các đơn vị vào ngày 22/12/2022 thời hạn gửi lại báo cáo là 16h00 ngày 29/12/2022. Các Khoa đã gửi báo cáo gồm: K.XD, K.TT&DL, K.CNTT, K.CKM, K.KT, K.ĐTQT, K.CLC theo P.ĐBCL tổng hợp trên Link trong email như trên.

#### PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

#### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị (để biết);
- Lưu phòng ĐBCL;
- Đăng trên website của P. ĐBCL.

**ThS. Phan Thị Thu Thủy**